

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2024/HS-PT

Ngày 25-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Quân và bà Phạm Thị Mai Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hồng Hảo – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Văn Đại - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 32/2024/TLPT-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với các bị cáo Bùi Văn H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 112/2023/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- **Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Bị cáo **Bùi Văn H**, sinh năm 1984, Nơi cư trú: KDC H, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: Xóm G, xã M, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm 1944 và bà Phạm Thị C, sinh năm 1950. Bị cáo có vợ Nguyễn Thị H1, sinh năm 1993 và có 4 con (02 con chung và 02 con riêng) con nhỏ nhất sinh năm 2014, con lớn nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 21/2021/HS-ST ngày 16/4/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt Bùi Văn H 30(ba mươi) tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”. Ngày 19/01/2023, H chấp hành xong hình phạt tù; ngày 28/6/2021 chấp hành xong án phí hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024, đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Trần Quốc T1**, sinh năm 1975, Nơi cư trú: KDC T, phường M,

thị xã K, tỉnh Hải Dương; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không quốc tịch; Việt Nam; con công Trần Xuân B và bà Đào Thị Đ. Bị cáo có vợ Đàm Thị Diệu L, sinh năm 1985 và có hai con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt Trần Quốc T1 24 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Ngày 02/11/2020 T1 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 04/5/2020 chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024, đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo **Bùi Minh T2**, sinh năm 1986, Nơi cư trú: Khu dân cư C, phường D, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Minh T3, sinh năm 1952 (Được nhà nước tặng thưởng kỷ niệm chương Chiến sỹ Trường Sơn; 01 Kỷ niệm quân tình nguyện Việt Nam giúp Lào, 01 Kỷ niệm chương Đoàn 559, 01 Danh hiệu Chiến sỹ Trường Sơn, 01 Huy hiệu công binh) và bà Phạm Thị P, sinh năm 1957. Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt Bùi Minh T2 20 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Ngày 21/9/2020 T2 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 01/6/2022 chấp hành xong án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Bản án số 103/2021/HS-ST ngày 01/12/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn xử phạt Bùi Minh T2 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 18/12/2022, T2 chấp hành xong hình phạt tù; ngày 11/3/2022 chấp hành xong án phí hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024, đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo **Nguyễn Duy C1**, sinh năm 1979, Nơi cư trú: thôn T, xã B, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn Duy L1 (Đã chết) và bà Đỗ Thị T4, sinh năm 1952. Bị cáo có vợ là Hoàng Thị P1, sinh năm 1974 và có một con sinh năm 2002. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân

Tại Bản án số 73/2019/HS-ST ngày 11/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn xử phạt Nguyễn Duy C1 20 tháng tù về tội Hủy hoại tài sản. Ngày

08/9/2020 chấp hành xong hình phạt tù; C1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/4/2024, đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh H.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980; Địa chỉ: Số I, T, phường H, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1980; Địa chỉ: thôn A, xã H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 15/10/2011, vợ chồng chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1980 và anh Nguyễn Văn H3, sinh năm 1980, trú tại: H - K - Hải Dương đã mua của vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ1 và bà Nguyễn Thị Ngọc t tại: M - P - K - Hải Dương 01 thửa đất ở Thôn M - P - K có diện tích 980m², tại tờ bản đồ số 8, thửa 40, trên đất có 04 gian nhà cấp 4 với giá 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Vợ chồng chị H2 sinh sống trên thửa đất trên và nộp thuế sử dụng đất đầy đủ. Ngày 10/7/2016, anh H3 có vay của Bùi Văn H số tiền là 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để kinh doanh; đến tháng 3/2017, vợ chồng anh H3, chị H2 đã trả cho H số tiền 75.000.000 đồng (bao gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 45.000.000 đồng tiền lãi). Ngày 13/01/2017, H và anh Hà làm hợp đồng chuyển nhượng thửa đất trên (hợp đồng có H và vợ là chị Nguyễn Thị H1 - sinh năm 1993, anh H3, chị H2 ký), sau đó anh H3 đem hợp đồng trên đến Ủy ban nhân dân xã P xin chữ ký của ông Lương Văn H4 là Chủ tịch UBND xã P (Nội dung hợp đồng không nêu giá chuyển nhượng và quy định tại Điều 9 phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng, nếu phát sinh tranh chấp... trong trường hợp không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật).

Sau khi có hợp đồng, H đã in thêm một số nội dung vào bản hợp đồng chuyển nhượng đất, cụ thể: Tại Điều 2: thêm “Và có quyền tháo dỡ mà không cần sự đồng ý của bên A” và “Là trừ số tiền bên A đã nợ”; tại Điều 5 thêm “Và chuyển nhượng cho bên B đổi trừ sang nợ” và “Hợp đồng này thay biên bản bàn giao đất cùng tài sản gắn liền gồm 3 nhà cấp 4. Bên A ở nhờ đến 13/6/2017 mà chưa dọn đi bên B tự tháo dỡ không cần sự đồng ý bên A”, “hai bên đồng ý chuyển nhượng đổi trừ sang khoản nợ ngày 10/7/2016”. Đến tháng 2/2018, vợ chồng H bán lại thửa đất trên cho Trần Quốc T1 với giá 260.000.000 đồng (việc mua bán có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất có các bên ký nhận, hợp đồng không ghi ngày tháng, không có xác nhận của cơ quan có thẩm

quyền).

Khoảng 10 giờ ngày 19/5/2018, H cùng T1, T2, Nguyễn Duy C1, Vương Ngọc A đến nhà chị H2, anh H3 ở thôn M - xã P gặp chị H2 ở nhà. H và T1 yêu cầu chị H2 dọn tài sản trong quán Internet đi để trả nhà, đất cho H và T1 nhưng chị H2 không đồng ý và có lời nói ngăn cản không cho khiêng tài sản trong quán Internet của nhà chị H2 ra ngoài. H đã chỉ đạo T1, T2, C1 khiêng hết máy tính, giường, bàn ghế, đồ dùng sinh hoạt trong quán Internet nhà chị H2 để ra ngoài cửa. Sau đó H bảo Toàn, T2, C1 ăn, ở sinh hoạt tại quán Internet của nhà chị H2 để trông coi nhà đất, gia đình chị H2 phải dọn xuống gian nhà cấp 4 phía dưới để ở. Đến khoảng 11 giờ ngày 31/5/2018, H, T1, T2, C1 tiếp tục đến đồ ra gian nhà cấp 4 của nhà chị H2 gọi của yêu cầu chị H2 mở cửa dọn ngoài trả nhà, đất cho H và T1. Lúc này chị H2 đang ở trong nhà thấy vậy nên gọi điện báo anh Chu Văn C2 - là Trưởng Công an xã P. Khi anh C2 đến, chị H2 mở cửa lách phía sau ra thì T1 định đi vào trong nhà, chị H2 không cho vào và dùng tay đẩy T1 ra rồi đóng cửa lại, do bị đẩy lên T1 bị ngã; lúc này anh C2 đi đến ngăn cản không cho H phá cửa, nhưng H nói là H phá nhà của mình. H lấy con dao dựa ở gần cửa lách nhà chị H2 chặt cửa phía sau làm thủng một lỗ rồi thò tay vào trong mở chốt cửa cùng T1, C1, T2 đi vào trong yêu cầu chị H2 đưa chìa khóa cửa nhưng chị H2 không đưa. H đi ra tháo cửa lách phía sau mà H vừa chặt vát ra vườn. Hoan bảo Toàn và C1 mở cửa xếp bằng sắt phía trước ra, T1 dùng tuýp sắt và dao cùng C1 bậy bậy khuy cửa ra rồi T1, C1, Thái khiêng, bê bàn ghế, màn hình ti vi, 13 bộ máy tính, cây máy tính, máy in canon và một số vật dụng khác ra ngoài cửa để. Sau đó H và T1 bảo T2, C1 cầm búa tạ (loại búa 03kg) của T1 mang theo từ trước trèo lên mái nhà dỡ một dãy ngói P2 và dùng búa tạ đập mấy viên gạch ba banh giáp quán cắt tóc. Lúc này do trời mưa và lực lượng Công an đến nên H, T1, C1, T2 dừng lại không đập phá nữa.

Tiếp đến khoảng 13 giờ 30 phút ngày 01/6/2018, T1 thuê máy xúc của anh Ngô Văn H5- sinh năm 1971, ở thôn T - xã B - thị xã K lái đến nhà chị H2 để phá dỡ gian nhà cấp 4 phía dưới, chị H2 đã trình báo Công an xã P đến ngăn cản, lập biên bản vụ việc và thông báo cho anh H5 biết mảnh đất trên đang có tranh chấp nên anh H5 không đồng ý làm, để máy xúc lại rồi đi về.

Khoảng 13 giờ ngày 02/6/2018, H và T1 bảo Vương Ngọc A lái máy xúc phá nhà chị H2, Ngọc A đồng ý điều khiển chiếc máy xúc của anh H5 ra phía sau gian nhà cấp 4 phía dưới của vợ chồng chị H2, dùng gầu máy xúc cào tường gạch ba banh trên mái nhà và dùng gầu làm sập hoàn toàn mái tôn phía sau nhà. Lúc này, anh H5 đến thấy vậy không cho Ngọc A làm nữa và lái máy xúc về. H và T1 tiếp tục bảo C1 và T2 trèo lên mái nhà dỡ ngói và gạch ba banh ném xuống làm xập toàn bộ mái ngói P3, trần tôn, trần nhựa, tường nhà rơi xuống làm hư hỏng một số tài sản gồm: điều hòa, bàn thờ gỗ, gương soi khung nhôm, cửa nhôm, khung màn nhôm, hệ thống đường điện, ô cửa kính, điện thoại Iphone 4 màu trắng, đồng hồ đeo tay; 02 bóng điện Rạng Đông, sau đó Công an xã và Công an huyện đến ngăn cản thì các bị cáo dừng lại.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút ngày 03/6/2018, H và T1 bảo C1, T2 trèo lên mái nhà dùng búa tạ tiếp tục đập phá bờ tường nhà vợ chồng chị H2. Chị H2 đã

gọi điện báo công an xã P. Khi anh C2 - Trưởng Công an xã P đến yêu cầu H, T1, C1, T2 dừng lại nhưng T1 vẫn bảo C1 đập phá tường nhà chị H2. Đến chiều cùng ngày T1, C1, T2 dùng gạch xây chặn cửa chính ra vào và hàn cửa lại không gia đình chị H2 vào nhà. Gia đình chị H2 không có chỗ ở phải chuyển đến nơi ở khác. T1, T2 ở quán Internet của nhà chị H2 đến ngày 06/6/2018 lực lượng Công an xã đến giải thích thì T1, T2 không ở lại nữa.

Ngày 03/7/2019 chị H2 làm đơn đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện K (nay là thị xã K) giải quyết.

Trong quá trình điều tra chị H2 và anh C2 đã cung cấp cho Cơ quan điều tra 02 USB bên trong có chứa các giữ liệu hình ảnh, vi deo liên quan đến các đối tượng đập phá tài sản nhà chị H2.

Tại các bản kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện K (nay là thị xã K) số 39 ngày 22/6/2018 và số 56 ngày 01/4/2019 kết luận: Tổng tài sản của gia đình chị H2 bị thiệt hại là 26.140.364 đồng.

Tại bản Kết luận giám định số: 4096/C09 – P5 ngày 31/8/2018 của V kết luận: Các chữ ký trong hợp đồng ngày 13/1/2017 được giám định là chữ ký của của Bùi Văn H, Nguyễn Thị H1, Lương Văn H4, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn H3.

Riêng các chữ in trong hợp đồng ngày 13/1/2017 yêu cầu giám định gồm;

+ Tại Điều 2: “Và có quyền tháo dỡ mà không cần sự đồng ý của bên A,” và “Là trừ số tiền bên A đã nợ”. Là các chữ in thêm.

+ Tại Điều 5: “Và chuyển nhượng cho bên B đổi trừ sang nợ.” và “Hợp đồng này thay biên bản bàn giao đất cùng tài sản gắn liền gồm 3 nhà cấp 4. Bên A ở nhờ đến 13/6/2017 mà chưa dọn đi bên B tự tháo dỡ không cần sự đồng ý bên A.”. Là các chữ in thêm.

+ Tại Điều 6: “Hai bên đồng ý đổi trừ sang khoản nợ ngày 10/7/2016”. Là các chữ in thêm.

Tại công văn số 585/C09 - P5 ngày 08/4/2019 của V - Bộ C4 giải thích một số nội dung trong Kết luận giám định số: 4096/C09 – P5 ngày 31/8/2018: Tại kết luận “5.6.”, V có kết luận một số nội dung được in thêm tức là các nội dung đó được in thêm vào sau khi đã có các nội dung chữ in còn lại của tài liệu, các chữ đã kết luận in thêm có đường chân chữ không thẳng so với các chữ in cùng dòng, đặc điểm về máy in không cùng với đặc điểm máy in của các chữ còn lại, không đủ cơ sở kết luận thời điểm in thêm.

Tại bản kết luận số 4081/C9- P6 ngày 08/8/2018 của V kết luận: Không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tập tin video gửi giám định.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra cho chị H2, anh H3 tổng số tiền là 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến giai đoạn xét xử sơ thẩm, chị H2, anh H3 không yêu cầu các bị cáo bồi thường.

Về hành vi đập phá tài sản của các bị cáo đã bị xử lý bằng vụ án hình sự khác.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 122/2023/HS-ST ngày 22 tháng 12 năm 2023 của TAND Thị xã Kinh Môn đã:

Căn cứ: điểm đ khoản 2 Điều 158; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2 và Nguyễn Duy C1.

- Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Nguyễn Duy C1 phạm tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác”.

- Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 21 (hai mươi mốt) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Quốc T1 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh T2 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy C1 16 (mười sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo

Ngày 29/12/2023, bị cáo H, T2, T1 kháng cáo đề nghị xem xét lại khung hình phạt bị xét xử và xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo này xác định chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/01/2024, bị cáo C1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận thực hiện hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã xác định, đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh H tham gia phiên tòa sau khi phân tích các tình tiết trong vụ án xác định: Cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo điểm đ khoản 2 Điều 158 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xác định đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo tại bản án sơ thẩm là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đề nghị HĐXX căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo tại bản án sơ thẩm; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định, là kháng cáo hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, kết luận giám định và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận;

Trong khoảng thời gian từ ngày 19/5/2018 đến ngày 06/6/2018, tại chỗ ở của vợ chồng chị Nguyễn Thị H2, anh Nguyễn Văn H3 ở thôn M - xã P - thị xã K - tỉnh Hải Dương, Bùi Văn H, Trần Quốc T1, Bùi Minh T2, Nguyễn Duy C1 đã có hành vi chuyển tài sản, đồ đạc sinh hoạt của vợ chồng chị H2, anh H3 ra khỏi nơi ở của chị H2, anh H3 đang sinh sống, có hành vi đập phá nhà làm hư hỏng một số tài sản, có hành vi dùng gạch xây chặn cửa chính không cho vợ chồng chị H2, anh H3 vào nhà mình. H còn chỉ đạo T2 và T1 ăn ở, sinh hoạt tại nhà của vợ chồng chị H2, anh H3 làm chị H2, anh H3 không có chỗ ở phải chuyển đến nơi ở khác. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Xâm phạm chỗ ở của người khác” theo Điều 158 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Tuy nhiên, xem xét tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng, cấp sơ thẩm đã bỏ lọt người phạm tội, cụ thể:

Lời khai của bị cáo T1 tại giai đoạn điều tra và **được bị cáo xác nhận lại tại phiên tòa phúc thẩm** đã khai nhận ngày 19/5/2018 thì đối tượng Phùng Văn C3 đi cùng bị cáo T1, H, T2, Ngọc A đến quán internet nhà chị H2; đến tối cùng ngày thì C3 ở lại quán và ăn thịt chó. Trong quá trình ở nhà chị Hiền từ ngày 19/5/2018, chị H2 vẫn chửi, đuổi các bị cáo đi.

Lời khai của bị cáo T2 tại giai đoạn điều tra và **được bị cáo xác nhận lại tại phiên tòa phúc thẩm**, T2 đã khai C3 ở lại ăn thịt chó tại quán internet của chị H2. Trong quá trình ở nhà chị Hiền từ ngày 19/5/2018, chị H2 vẫn chửi, đuổi các bị cáo đi.

Lời khai của chị H2 tại nhiều biên bản lấy lời khai trong giai đoạn điều tra đều khẳng định sự có mặt của Phùng Văn C3 trong quá trình chiếm chỗ ở của chị H2 và anh H3 mặc dù chị đã đuổi nhưng C3 và các bị cáo không rời khỏi chỗ ở của anh chị.

Tại Biên bản nhận dạng hình ảnh, **âm thanh** người, vật trong các đoạn Video clip mà chị H2 quay bằng điện thoại và nộp cho cơ quan điều tra (và đã được giám định xác định là không bị sửa chữa, cắt ghép) thì có 2 tệp video thể hiện Cầm có mặt tại nhà chị H2 trong khi chị H2 có thái độ phản đối, yêu cầu các bị cáo và Cầm dời đi, nhờ chính quyền can thiệp

Lời khai của chính Phùng Văn C3 thừa nhận Cầm ngủ tại nhà chị H2. Trong quá trình ở đó, C3 vẫn chứng kiến mâu thuẫn giữa chị H2 và H, T1 về thửa đất của chị H2.

Tại báo cáo của Công an xã P cũng khẳng định sự có mặt của C3 trong việc chiếm chỗ ở của chị H2.

Như vậy từ các tài liệu chứng cứ trên, đủ cơ sở khẳng định Phùng Văn C3 có hành vi chiếm chỗ ở của gia đình chị H2 trong thời gian ít nhất trong thời gian từ 4 đến 5 ngày, mặc dù chị H2 đã phản đối, đuổi đi và C3 biết rõ điều đó. Đây là hành vi khách quan của tội xâm phạm chỗ ở của người khác. Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm đã trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung để xử lý hành vi của Phùng Văn C3 trong vụ án, nhưng không được Viện kiểm sát chấp nhận với nhận định C3 không có hành vi khiêng, bê, huỷ hoại tài sản của chị H2, anh H3 và C3 không biết H và những người khác xảy ra tranh chấp đất với chị H2, khi biết khu đất có tranh chấp thì C3 đã tự bỏ về. Nhận định trên của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm là không phù hợp với chứng cứ đã được thu thập trong vụ án, dẫn đến bỏ lọt người phạm tội. Vì vậy, Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật tố tụng Hình sự, cần hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại vụ án.

Ngoài ra trong hồ sơ vụ án còn có những lời khai thừa nhận việc ở nhà chị H2 của đối tượng Bùi Văn H6 (sau đó H6 phủ nhận), nhưng chị H2 có nhiều lời khai xác định ngoài 4 bị cáo nêu trên còn nhiều người khác xâm phạm chỗ ở của gia đình chị, nên quá trình điều tra lại cũng cần làm rõ hành vi của H6, để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật nếu có căn cứ. Mặt khác, tài liệu điều tra trong hồ sơ vụ án còn thể hiện trong thời gian các bị cáo xâm phạm chỗ ở của gia đình chị H2 thì còn có sự việc nhà chị H2 bị đổ xăng và đốt cháy, sự việc này có dấu hiệu của tội “Giết người”. Theo quy định, sự việc này cần được xem xét, xử lý trong cùng vụ án này. Tuy nhiên, trong hồ sơ có ý kiến của Viện kiểm sát (trong bản cáo trạng truy tố các bị cáo trong vụ án Hủy hoại tài sản), về việc cơ quan Điều tra tách sự việc này ra để xác minh, xử lý sau, nhưng lại không có tài liệu nào của chính Cơ quan Điều tra thể quan điểm, quyết định tách vấn đề này ra xử lý sau, là chưa thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ. Vấn đề này cần được khắc phục khi tiến hành Điều tra lại vụ án.

[4]. Do cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, nên không xem xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[5]. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Hủy bản án Hình sự sơ thẩm số 112/2023/HS-ST ngày 22/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương để điều tra lại.

2. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án lệ phí Tòa án

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND TX Kinh Môn;
- VKSND TX Kinh Môn.
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo;
- Lưu Tòa; lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cường